

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1046/2023/DS-PT
Ngày: 02/11/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 559/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4693/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14382/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1942.

Địa chỉ: B1/05 ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 46 đường số 5, ấp 4A, KDC H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/10/2023 do Văn phòng Công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2/ Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1928.

Địa chỉ: E6/106 ấp 6, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị N1: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: C6/175A ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 000406, quyền số: 01/2019/HĐGD-CCAL ngày 11/01/2019 do Văn phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2.2. Bà **Lê Thị Ch**, sinh năm 1947. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 83 ấp 2, xã Th, huyện B, tỉnh L.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Văn Th1**, sinh năm 1935. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: C9/259 ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1931. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: B11/8 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà **Lê Ngọc Đ**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: B7/212 ấp 2, xã Bình Lợi, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà **Lê Thu H**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: B11/8 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1964. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: E6/106 ấp 6, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Bà **Huỳnh Thị N1**, sinh năm 1944. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: B1/05 ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Bà **Huỳnh Thị Quan H1**, sinh năm 1952 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: B1/05 ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. **Ủy ban nhân dân huyện B** (Xin vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: bà Hồ Ngọc H2 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B theo Công văn số 1931/UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B.

4/ Người làm chứng: Ông **Trần Tấn L**, sinh năm: 1961 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: C14/420 ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, bà Huỳnh Thị Quan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2012, đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 29/6/2020, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 15/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có ông Nguyễn Phước Hậu là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích 958,5 m² thuộc một phần thửa đất số 151(151-1), tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 14/10/2013. Phần đất trên có nguồn gốc của cha mẹ bà Huỳnh Thị N khai hoang. Sau đó, năm 1977 nông hội xã Tân Nhựt lấy phần đất trên giao cho bà Phạm Thị Bảy canh tác (không có giấy thu hồi đất, không có quyết định giao đất). Năm 1995, bà Phạm Thị Bảy chết, bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch quản lý sử dụng phần đất trên. Hiện tại, Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai, kể cả bà Phạm Thị Bảy, bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch.

Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất có diện tích 958,5 m² thuộc một phần thửa 151, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Phía bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch cho rằng: phần đất tranh chấp, gia đình bà N và bà Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà N và bà Ch không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong trường hợp gia đình bà N và bà Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Huỳnh Thị N đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Luật sư Trần Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Cơ sở của việc bà Huỳnh Thị N khởi kiện bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch là phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn Bích (cha bà Huỳnh Thị N) trước năm 1975. Năm 1977, Tập đoàn giao lại cho bà Phạm Thị Bảy. Do đó, bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất có diện tích 958,5 m² thuộc một phần thửa 151, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Huỳnh Thị N.

Bị đơn bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trình bày như sau: Phần đất có diện tích 3.833 m² thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 15, xã Tân Nhựt có nguồn gốc trước năm 1975 là của ông Huỳnh Văn Bích (cha bà Huỳnh Thị N). Năm 1977 tập đoàn chia lại cho bà Phạm Thị Bảy (mẹ bà Lê Thị N1, bà Lê Thị Ch). Bà Phạm Thị Bảy canh tác từ năm 1977 đến năm 1995 thì bà Bảy chết. Sau khi bà Bảy chết, bà Lê Thị L (cháu nội bà Bảy) canh tác và đã bán 1.916 m², phần còn lại có diện tích 1.917 m², bà L đã chia lại cho bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch. Từ khi được bà L chia lại phần đất này cho đến nay, bà N và bà Ch là người trực tiếp sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất, bà Bảy, bà N và bà Ch có đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất. Do đó, bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th1 có bà Lê Thị Nguyệt, ông Nguyễn Lê Công Trường là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lê Văn Th1 là con của bà Phạm Thị Bảy. Ông Lê Văn Th1 không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất có diện tích 958,5 m² thuộc một phần thửa đất số 151, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, bà Lê Ngọc Đ và bà Lê Thu H trình bày: Ông Lê Văn Tình là con của bà Phạm Thị Bảy. Ông Lê Văn Tình đã chết năm 1970. Ông Lê Văn Tình có vợ là bà Lê Thị T1; có 02 con là bà Lê Ngọc Đ và bà Lê Thu H. Trong vụ án, bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất thuộc một phần thửa đất số 151, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B thì bà Lê Thị T1, bà Lê Ngọc Đ và bà Lê Thu H không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Bà Lê Thị L không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H trình bày: Bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H đồng ý với ý kiến, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N và các tài liệu, chứng cứ mà bà N nộp đến Tòa án nhân dân huyện B trong thời gian vừa qua. Bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B có bà Hồ Ngọc H2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 15/8/2022: Liên quan vụ án trên, Ủy ban nhân dân huyện B đã có Công văn số 2172/UBND ngày 28/6/2022 về việc cung cấp thông tin và tài liệu theo đề nghị của Tòa án nhân dân huyện B. Ngoài những ý kiến nêu trên, Ủy ban không có yêu cầu nào khác. Kính đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo luật định.

Công văn số 2172/UBND /UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B có nội dung như sau: Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Lê Thị L do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cung cấp theo mã số sao lục 007960 ngày 31/12/2015 và Bản đồ hiện trạng vị trí số 9627/ĐĐBĐ-VPTP ngày 14/10/2013 của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất tranh chấp có diện tích 958.5 m² thuộc thửa đất số 151 (151-1) tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 559/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N đối với bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch về việc yêu cầu bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị Ch trả lại phần đất có diện tích 958,5 m² thuộc một phần thửa 151, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị hủy Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ gia đình bà Phạm Thị Bảy đối với phần đất có diện tích 958,5 m² thuộc thửa đất số 151 (151-1) tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị N chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà Huỳnh Thị N đã đóng tạm ứng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/12/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Quan H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/4/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 19/2023/QĐ-KCQH chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị Quan H có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn Bích (cha bà Huỳnh Thị N) trước năm 1975. Năm 1977, Tập đoàn giao lại cho bà Phạm Thị Bảy theo chính sách nhường cơm sẻ áo. Bà Ch, bà N cho rằng hộ bà Phạm Thị Bảy được Nhà nước cấp 4000 m² nhưng thực tế hộ bà Bảy chỉ được cấp 2.700 m² theo Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 16/6/1995. Sau khi bà Bảy chết, bà L (cháu nội của bà Bảy) và bà N xảy ra tranh chấp đất. Bà N đã phải chia lại cho bà L 1.917 m² nên bà N chỉ còn sử dụng hợp pháp 884 m². Phần đất tranh chấp 958,5 m² chưa được Nhà nước xem xét cấp cho ai. Do đó, việc bà N, bà N1, bà H yêu cầu bà N, bà Ch trả lại phần đất này là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu chứng cứ được cung cấp tại phiên tòa thì không được xem xét và không đưa vào hồ sơ vụ án dẫn đến xét xử không được khách quan, gây thiệt hại quyền lợi của đương sự. Ông T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị N1 và bị đơn bà Lê Thị Ch vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Đ và bà Lê Thu H không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Có đủ cơ sở kết luận 958,5 m² đất nằm trong diện tích đất nông nghiệp 3.833 m² bà Bảy được Tập đoàn giao lại vào năm 1977. Nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh Văn Bích (cha ruột của bà N) khai hoang trước năm 1975.

Người đại diện cho bà N, bà N1, bà H cho rằng, theo Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 16/6/1995 thì hộ bà Bảy được Nhà nước công nhận phần đất có diện tích 2.700 m². Năm 1995, bà Bảy chết. Giữa bà L (cháu nội bà Bảy) và bà N xảy ra tranh chấp nên bà N phải chia lại cho bà L 1.917 m² và bà N chỉ còn sử dụng hợp pháp 884 m². Phần đất tranh chấp 958,5 m² chưa được Nhà nước xem xét cấp cho ai. Do đó, việc bà N, bà N1, bà H yêu cầu bà N, bà Ch trả lại phần đất này là có cơ sở.

Xét, căn cứ Văn bản số 3540/TTr-TNMT ngày 15/6/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (BL224) và Văn bản số 2172/UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B (BL226) có nội dung: Đất tranh chấp 958,5 m² thuộc thửa đất số 151 (151-1), tờ bản đồ số 15, xã T, huyện B không thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà L.

Theo Công văn số 3732/TNMT ngày 06/12/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (bút lục 207) thể hiện nội dung như sau:

“ ... thông tin liên quan đến phần đất tranh chấp có diện tích 1000 m² đất thuộc thửa đất số 151, tờ 15 (tài liệu 02/CT-UB), tọa lạc tại xã Tân Nhựt như sau:

Quá trình kê khai đăng ký:

Theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa 381, tờ 4 không người đăng ký, thửa 382, tờ 4 do bà Phan Thị Bảy.

Theo tài liệu 02/CT-UB: thửa đất số 151, tờ 15 do bà Phan Thị Bảy đăng ký

Theo tài liệu BĐĐC thuộc thửa 5, tờ 35, không đăng ký.

2. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Theo sổ cấp Giấy chứng nhận, ghi nhận vị trí đã được cấp Giấy chứng nhận số 699/QSĐĐ theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 1995 cho bà Phạm Thị Bảy...”

Như vậy, phần đất tranh chấp không liên quan đến diện tích đất của hộ bà L được cấp và nằm trong Giấy chứng nhận mà Nhà nước cấp cho hộ bà Bảy.

Xét, đất đai là tài sản đặc biệt thuộc sở hữu Nhà nước, các cá nhân chỉ có quyền sử dụng. Quyền sử dụng đất được xác lập do Nhà nước giao đất hoặc chuyển nhượng hợp pháp. Như các bên thừa nhận thì việc bà Bảy sử dụng đất là do được Tập đoàn giao cho và theo các văn bản trả lời của cơ quan chức năng

thì hộ bà Bảy đã quản lý, sử dụng liên tục, có kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai thì một trong những trường hợp mà Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15/10/1993 là *đất đã góp vào hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao; Đất đã chia cho người khác khi hưởng ứng cuộc vận động san sẻ bớt một phần ruộng đất để chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng tại miền Nam sau ngày giải phóng.*

Nguyên đơn đi kiện đòi đất nhưng không chứng minh được sự tồn tại quyền sử dụng đất hợp pháp, nhiều năm không kê khai, đăng ký, không đóng thuế. Trong khi bà N, bà Ch sử dụng đất trên cơ sở thuộc quyền sử dụng của bà Bảy được Nhà nước giao và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn.

[2] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H; Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H.

Tuyên xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

1/ Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 559/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Thị Quan H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- TAND huyện B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

